

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06 -7-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Mừng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đinh Công D**, sinh năm 1990

Trú tại: Bản Phai, xã Trung Thành, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Lương Thị N**, sinh năm 1996

Trú tại: Bản Phai, xã Trung Thành, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2021; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Đinh Công D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lương Thị N đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đầm ấm, đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến quan

điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung hôn nhân. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh chị đã sống ly thân, chị Lương Thị N đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị N.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, anh chị có 01 con chung, tên cháu là Đình Công T, sinh ngày 09/10/2013, hiện tại cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và cháu đang ở bố. Nguyên vọng của anh là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đình Công T cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện nộp án phí HNGĐ sơ thẩm.

Về phía bị đơn Lương Thị N: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập chị để nộp bản tự khai nhưng chị đều vắng mặt nên không có lời khai của chị Lương Thị N trong hồ sơ vụ án.

Tại bản nguyện vọng của cháu Đình Công T đề ngày 05/01/2021, cháu trình bày: Hiện tại cháu đang ở với bố, nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu muốn được ở với bố, để thuận lợi cho việc sinh hoạt và học tập sau này.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Lương Thị N thường xuyên đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên về nhà, liên lạc với gia đình và biết được việc cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập nhưng cố tình trốn tránh vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng. Như vậy, Bị đơn đã không thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của Nguyên đơn, xét thấy: Vợ chồng anh Đình Công D và chị Lương Thị N chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đình Công D và chị Lương Thị N có 01 con chung là cháu Đình Công T, sinh ngày 09/10/2013, hiện đang ở với bố và cháu cũng có nguyện vọng muốn được ở với bố và anh Đình Công D

không bị hạn chế về quyền nuôi con, chị Lương Thị N đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình con cái. Anh Đinh Công D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung, nợ nần chung: Anh Đinh Công D không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, Điều 40, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ hoàn 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Công D

Về Hôn nhân: Xử cho anh Đinh Công D ly hôn với chị Lương Thị N.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đinh Công T, sinh ngày 09/10/2013 cho anh Đinh Công D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, không ai được ngăn cấm, cản trở chị Lương Thị N thăm nom con chung. Anh Đinh Công D không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về anh phí: Anh Đinh Công D phải chịu 300.000^d án phí theo quy định.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, chị Lương Thị N đang có hộ khẩu thường trú: Bản Phai, xã Trung Thành, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, chị chưa chuyển khẩu hay tạm trú tạm vắng ở nơi khác.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng chị Lương Thị N không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Chị Lương Thị N đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà

giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, anh Đinh Công D đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lương Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh Đinh Công D là Nguyên đơn; chị Lương Thị N là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập đến để viết bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã vắng mặt, khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Qua xác minh tại địa phương thì chị Lương Thị N có đi làm ăn và vẫn liên lạc với gia đình, chưa chuyển khẩu và chưa đăng ký tạm trú tạm vắng đi nơi khác và chị đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án giải quyết nhưng chị cố tình trốn tránh, không hợp tác trong giải quyết vụ án cũng như việc tham gia phiên tòa. Do vậy, Bị đơn chấp hành chưa tốt nghĩa vụ, không tham gia phiên tòa quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản xác định mâu thuẫn và quá trình giải quyết vụ án thì: Anh Đinh Công D và chị Lương Thị N kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 20/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau. Việc này đã được chính quyền xã Trung Thành, huyện Quan Hóa xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, anh Đinh Công D nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Lương Thị N. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Đinh Công D ly hôn với chị Lương Thị N.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Công D và chị Lương Thị N có 01 con chung, tên cháu là Đinh Công T, sinh ngày 09/10/2013. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu đang với anh D, bản thân cháu T có nguyện vọng muốn được ở với bố, anh D không bị cấm hoặc hạn chế về quyền nuôi con, chị Lương Thị N lại đi làm xa. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Công D, đó là giao cháu Đinh Công T cho anh Đinh Công D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Chị Lương Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

Anh Đinh Công D không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xét. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh D có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Đinh Công D không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Đinh Công D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 227, điều 228, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 24; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công D.

1.1. Về Hôn nhân: Cho anh Đinh Công D ly hôn với chị Lương Thị N.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đinh Công T, sinh ngày 09/10/2013 cho anh Đinh Công D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị Lương Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Chị Lương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị Lương Thị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi khi có căn cứ của pháp luật. Anh Đinh Công D có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Anh Đinh Công D không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Anh Đinh Công D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Đinh Công D đã nộp ngày 05/01/2021 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0013204 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, Vắng mặt các đương sự. Các Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Phòng 9 - Viện kiểm sát nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Trung Sơn, H. Quan Hóa;
- UBND xã Trung Thành, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Đinh Công D;
- Bị đơn Lương Thị N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

